

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2021/HC-PT

Ngày 14/5/2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ
trợ khi thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2020/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 782/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đào Duy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T: Ông Đào Xuân N, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương - Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020 (Có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Mai Hùng Dũng – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch UBND huyện P; địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đào Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/3/2020 của ông Đào Duy T và lời trình bày của ông Đào Xuân N là người đại diện của ông Đào Duy T trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông Đào Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu).
- Hủy Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần hai).
- Nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện:

Năm 1986, cha mẹ của ông Đào Duy T là ông Đào Xuân N và bà Phạm Thị Xuân khai hoang khu đất có diện tích khoảng 3.000m² tại khu phố 7 (trước đây là khu phố 2), thị trấn P, huyện P nguyên là vành đai của khu căn cứ quân sự của chế độ cũ. Cha mẹ ông T cất nhà ở và đặt máy xay lúa để phục vụ cho người dân sinh sống ở khu vực ấp 4, ấp 5, ấp 6 xã Phước Vĩnh (có Giấy phép kinh doanh cấp năm 1986, môn bài năm 1986). Đến năm 1995 khi nhân dân không còn trồng lúa thì cha mẹ ông T chuyển sang nghề chế biến cà phê và mở quán bán cà phê (có Giấy môn bài năm 2001, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm 2000).

Năm 2004, cha mẹ ông T ngừng buôn bán và cho bà Nguyễn Thị Mai Loan thuê lại mặt bằng và căn nhà để buôn bán nước giải khát. Đến năm 2005, hết thời hạn thuê nhà, bà Loan chuyển đi nơi khác sinh sống, cha mẹ ông T tiếp tục sử dụng đất và căn nhà để buôn bán nước giải khát cho đến nay. Quá trình sử

dụng, cha mẹ ông T có kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 đối với phần diện tích 1.989m² thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 35.

Thực tế khu đất mà cha mẹ ông T đang sử dụng có tổng diện tích 2.495,7m², cha mẹ ông T đã chia làm 05 phần như sau: Ông Đào Xuân N (536,1m²) và 04 người con: Ông Đào Duy T (394,1m²), ông Đào Duy Toàn (444,8m²), bà Đào Thị Anh Thi (621,5m²), bà Đào Thị Anh Thơ (499,2m²).

Trong 33 năm qua, gia đình ông T sinh sống, kinh doanh trên khu đất trên, xây dựng nhà ở ổn định, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật; hàng năm đều đóng thuế đất và các khoản công ích xã hội đầy đủ. Trường hợp gia đình ông đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tháng 11/2014 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P tổ chức họp dân và thông báo giải tỏa đất giao cho Trung đoàn 271, kho K9, D60. Đến ngày 14/10/2015 lại họp dân để gửi cho mỗi gia đình một bảng tổng hợp chi phí bồi thường, giá đất 48.000 đồng/m², nhà chỉ tính 30%-80% giá trị. Ngoài ra, UBND huyện P không gửi cho ông T thông báo hay quyết định thu hồi đất.

Không đồng ý với mức hỗ trợ như trên, ông T khiếu nại yêu cầu UBND huyện P phải bồi thường về đất cho ông (chứ không phải hỗ trợ), vì việc sử dụng đất của gia đình ông T thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất (chứ không phải hỗ trợ 80% giá trị căn nhà). Ngày 12/12/2018, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Đào Duy T. Không đồng ý với kết quả giải quyết trên, ông Đào Duy T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T tại Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, bác đơn khiếu nại của ông. Các quyết định này gây thiệt hại quyền lợi của ông.

Tại Văn bản số 1016/UBND-NC ngày 08/10/2020, Chủ tịch UBND huyện P có ý kiến:

Khu đất bị giải tỏa của gia đình ông Đào Duy T, có diện tích là 394,1m² thuộc một phần thửa đất số 01, 137 tờ bản đồ số 35, 36 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện giải tỏa trắng, nằm trong khu quy hoạch thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P. Khu đất có nguồn gốc là căn cứ của chế độ cũ được Quân đoàn 4 tiếp quản; Năm 1982 Lữ đoàn 477 nhận bàn giao làm huấn luyện và tháng 11/1991 giao lại cho Trung đoàn BB271, Kho K9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng.

Việc ông T yêu cầu hủy Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Duy T; nâng giá bồi thường về đất bị thu hồi là không có cơ sở. Vì nguồn gốc đất của gia đình ông T là đất quốc phòng do ba ông T sử dụng từ năm 1986, đến năm 2006 cho ông T sử dụng đến nay, không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất, được hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện P tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Gia đình ông T có nộp thuế sử dụng đất ở cho cơ quan Nhà nước là thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước khi sử dụng đất làm nhà ở theo quy định tại Điều 4, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010, quy định người nộp thuế “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế”.

Việc ông T yêu cầu nâng tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ từ 30% lên 80% theo đơn giá xây dựng đối với 02 căn nhà tạm B, diện tích 31,6m² và 18m² là không có cơ sở xem xét. Vì qua xác minh 02 căn nhà tạm B trên của gia đình ông T xây dựng năm 2006; căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND và điểm b.1 khoản 3 mục II Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, được UBND huyện P phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, quy định “Nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt không đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng xây dựng trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, được hỗ trợ 80% theo đơn giá xây dựng được quy định” và Công văn số 1036/HĐBTHT&TĐC ngày 14/11/2016 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện P, các căn nhà tạm B bị giải tỏa của ông T chỉ được hỗ trợ bằng 30% đơn giá bồi thường, hỗ trợ của UBND tỉnh quy định.

Tại Bản giải trình ngày 08/7/2020, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trình bày:

- Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện P tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện P có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng.

- Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Ngày 09/12/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Duy T).

- Ngày 10/12/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Căn cứ để xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Công trình, gồm: Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, theo đó: Không bồi thường, chỉ hỗ trợ về đất 48.000 đồng/m²; Hỗ trợ nhà ở: Nhà ở xây dựng trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 80%, xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 30%, kể cả 10 trường hợp có quyết định xử phạt vi phạm hành chính (*theo điểm b, c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi*).

Việc ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện P và yêu cầu bồi thường 394,1m² đất bị thu hồi; nâng mức hỗ trợ về nhà ở từ 80% lên 100% theo đơn giá quy định đối với căn nhà 01 tầng (diện tích 24,42m²) và 02 căn nhà tạm A (diện tích 42,18m² và 64,8m²) thuộc Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P là không có cơ sở xem xét, giải quyết, bởi vì:

+ Phần đất diện tích 394,1m² mà ông Đào Duy T đang khiếu nại thuộc khu đất có tổng diện tích sử dụng 2.495,7m², thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 (*ông T được cha là ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006*), có nguồn gốc là đất quốc phòng, bị các hộ dân xâm canh chiếm dụng. Phần đất này hiện nay nằm trong phạm vi giải tỏa, thu hồi đất để giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện P.

Quá trình sử dụng đất, ông Đào Xuân N (cha ông Đào Duy T) có thực hiện việc kê khai, đăng ký diện tích đất 1.989m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 tại Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất xã Phước Vĩnh xác nhận năm 2001; Tuy nhiên, hai loại giấy tờ trên không thuộc các loại giấy tờ làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông Đào Xuân N không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất trên do không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

+ Về nhà ở (nhà 01 tầng và 02 căn nhà tạm A), được ông Đào Xuân N xây dựng năm 1986, đến năm 2006 ông N giao lại cho ông Đào Duy T sử dụng. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện P phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, thì việc UBND huyện P hỗ trợ theo tỷ lệ 80% đơn giá quy định đối với các căn nhà nói trên cho ông Đào Duy T, là phù hợp quy định pháp luật (xây dựng trước ngày 01/7/2004).

- Trường hợp của ông Đào Duy T (*được ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006*) không đủ điều kiện để được bồi thường về nhà, đất. Việc UBND huyện P hỗ trợ 48.000đồng/m² đối với đất; hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà 01 tầng và 02 nhà tạm A; 30% đơn giá xây dựng đối với 02 nhà tạm B, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Duy T, là đúng theo Phương án đã được phê duyệt nhằm hỗ trợ cho người dân ổn định cuộc sống.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T tại Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019, là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019; đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Đào Duy T.

Bản án hành chính sơ thẩm số: 44/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, quyết định:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 10 Điều 22 và khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18 và 21 Luật Khiếu nại 2011; Khoản 1 Điều 75, Điều 100 và khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T về những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần hai).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T về việc nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2020 ông Đào Xuân N kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định trên để bồi thường đất theo quy định của pháp luật, bồi thường tài sản 100%. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N đại diện cho ông T giữ nguyên kháng cáo và cho rằng gia đình ông đã sử dụng đất trên 40 năm, kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước đầy đủ; nay cho rằng đất quốc phòng là không phù hợp; đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án như sau: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của ông Đào Duy T không có căn cứ; vì đất đã giao cho Bộ quốc phòng từ năm 1983, sau này tiếp tục quy hoạch là đất quốc phòng nên gia đình ông N sử dụng đất mà không kê khai, đăng ký được. Nay nhà nước thu hồi và hỗ trợ đất và tài sản trên đất là đúng pháp luật; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

Đơn kháng cáo của ông Đào Duy T đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét đơn kháng cáo của ông Đào Duy T thì thấy:

[1]. Theo các tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp thì diện tích 394,1m² đất, thuộc một phần thửa đất số 01 và 137, tờ bản đồ số 35 và 36, thị

trần P, huyện P, tỉnh Bình Dương, ông T sử dụng thuộc diện tích đất do quân đội quản lý theo Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 12/3/1983 của UBND tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) giao cho Bộ Tư lệnh Quân khu 7 xây dựng doanh trại quân đội. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 535/TTg-m ngày 15/7/1997 phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7. Do đó, diện tích đất ông T khiếu nại, đã giao cho quân khu 7 sử dụng từ năm 1983; sau này tiếp tục quy hoạch sử dụng đất quốc phòng.

[2]. Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện P có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất cho quốc phòng. Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/12/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N và các con ông N). Ngày 10/12/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; bởi lẽ:

[2.1]. Năm 1986, ông N khai thác, sử dụng diện tích 3.000m² đất, tại khu phố 7 (trước đây là khu phố 2), thị trấn P, huyện P, sau khi UBND tỉnh Sông Bé giao đất cho Bộ Tư lệnh Quân khu 7 sử dụng năm 1983; dù ông N sử dụng đất liên tục từ năm 1986 đến ngày có quyết định thu hồi đất giao cho Bộ quốc phòng; ông N và con là ông T sau này sử dụng, kê khai đăng ký. Tuy nhiên, đất ông N và ông T sử dụng đã có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng từ năm 1997, nay nhà nước thu hồi đất giao cho Bộ quốc phòng là thực hiện đúng quy hoạch.

[2.2]. Việc ông N và con là ông T kê khai, đóng thuế sử dụng đất đầy đủ là nghĩa vụ của người sử dụng đất; không phải căn cứ để xác lập, công nhận quyền sử dụng đất cho ông N hay ông T theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, nay là Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

[2.3]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 mà chỉ được xem xét hỗ trợ với

đơn giá 48.000đồng/m²; nhà 01 tầng và 02 nhà tạm A xây dựng trước ngày 01/7/2004 nên được xem xét hỗ trợ bằng 80% đơn giá xây dựng; 02 nhà tạm B xây dựng sau ngày 01/7/2004 nên được xem xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá xây dựng, là đúng theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện P phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

[3]. Ông N là người đại diện theo ủy quyền của ông T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đào Duy T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2020/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 10 Điều 22 và khoản 8 Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 18 và Điều 21 Luật Khiếu nại 2011; khoản 1 Điều 75, Điều 100 và khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T về những vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần hai).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T về việc nâng

giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đào Duy T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0044613 ngày 09/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; ông Đào Duy T đã nộp đủ án phí.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đào Duy T nộp 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0044848 ngày 01/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông Đào Duy T đã nộp đủ án phí.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đương sự (3);
- Lưu VP (6), HS (1) PTHH 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

